

Bản án số: 1320/2024/HC-PT

Ngày 27-12-2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Ngô Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 898/TLPT-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3347/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Tống Văn T, sinh năm 1958 (đại diện hộ) (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Tống Văn T: Ông Tống Thanh H, sinh năm 1985. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 7 năm 2024) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, Tổ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Minh T1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Đặng Huỳnh T2, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số H, Quốc lộ H, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Phạm Thiện N, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Huỳnh Công H1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Minh T1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch. Là người đại diện theo ủy quyền (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Đặng Huỳnh T2, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số H, Quốc lộ H, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Tống Văn T.

(Ông Tống Thanh H, ông Đặng Huỳnh T2 có mặt tại phiên tòa; ông Phan Thanh D là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, ông Phạm Thiện Nghĩa L Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có văn bản xin vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 của ông Tống Văn T và ý kiến trình bày của ông Tống Thanh H là đại diện theo ủy quyền của ông T như sau:

Ông Tống Văn T có phần diện tích đất 5.422m², thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35, loại đất trồng cây lâu năm được UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 677344, vào sổ số CH02350, cấp ngày 29 tháng 4 năm 2014.

Ngày 15/6/2021, ông Tống Văn T yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C đo đạc lại thửa đất trên. Đến ngày 05/5/2022, cán bộ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng Đ mới đưa cho ông Tống Văn T hồ sơ đo đạc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35, sau đó kêu ông Tống Văn T ký tên và nộp hồ sơ đó qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện C để đăng ký phần diện tích tăng thêm là 105m², được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác định là thửa đất số 804, tờ bản đồ số 35.

Vào tháng 5 năm 2022, ông Tống Văn T nhận được thông báo của UBND huyện C về việc thu hồi thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35 để thực hiện dự án tuyến dân cư H.

Ngày 18/6/2022, ông Tống Văn T nhận được thư mời của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện C (viết tắt là BQLDA&PTQĐ huyện C) mời ông T đến UBND xã A để lấy ý kiến về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến dân cư Hang Mai vì đã qua thời gian khảo sát, đo đạc và kiểm đếm.

Tại buổi đóng góp ý kiến, ông Tống Văn T được cán bộ của BQLDA&PTQĐ huyện C đưa cho thông báo số 17/TB-BQLDA-PTQĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 của BQLDA&PTQĐ huyện C về việc lấy ý kiến phương án (dự kiến) bồi thường hỗ trợ dự án tuyến dân cư Hang Mai xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũng như

kiểm tra lại những thiếu sót để được bổ sung. Sau đó ông Tổng Văn T có ghi ý kiến của ông Tổng Văn T vào phiếu lấy ý kiến và nộp lại phiếu lấy ý kiến đó cho BQLDA&PTQĐ huyện C.

Trong quá trình BQLDA&PTQĐ huyện C tiếp xúc làm rõ nội dung yêu cầu của ông Tổng Văn T thì ông Tổng Văn T đã nhiều lần hỏi cán bộ của BQLDA&PTQĐ huyện Châu Thành sao không bồi thường phần diện tích đất 105m² tại thửa đất 804 của ông Tổng Văn T mà ông T đang xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu), thì ông T được cán bộ BQLDA&PTQĐ huyện C trả lời là phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ được làm hồ sơ bổ sung và bồi thường sau.

Ngày 16/7/2022, ông Tổng Văn T nhận được thông báo số 981/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C về việc trả hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) của ông T. Không đồng ý, ông Tổng Văn T đã làm đơn khiếu nại văn bản số 336/UBND-ĐC ngày 05/7/2022 của UBND xã A về việc cho rằng phần đất ông Tổng Văn T đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu tại thửa đất 804, tờ bản đồ số 35 là do ông Tổng Văn T tự bồi đắp là hoàn toàn không chính xác. Vì phần diện tích đất mà ông Tổng Văn T xin đăng ký lần đầu tại thửa đất 804, tờ bản đồ số 35, diện tích 105m² đã được chủ cũ là bà Phạm Thị N1 sử dụng và trồng cây từ trước, trước khi chuyển nhượng đất lại cho gia đình ông Tổng Văn T vào năm 1992 và được gia đình ông Tổng Văn T sử dụng ổn định, lâu dài cho đến nay.

Sau đó, ông T được cán bộ của bộ phận tiếp công dân của xã A trả lời là văn bản số 336/UBND-ĐC chỉ mang tính chất nội bộ chứ không phải trả lời cho ông Tổng Văn T. Nếu ông Tổng Văn T có khiếu nại thì khiếu nại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

Sau khi đã xem lại hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa đất 804, tờ bản đồ 35 đã bị từ chối cấp giấy chứng nhận thì một lần nữa ông Tổng Văn T lại phát hiện ra là khi đo đạc lại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35 thì cán bộ của Chi nhánh Văn phòng Đ đo đạc không chính xác vì phần diện tích đất tăng thêm tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35 không phải 105m² theo ông Tổng Văn T ước lượng khoảng 150m². Do đó, ông Tổng Văn T làm đơn khiếu nại văn bản số 981/CNVPĐKĐĐ ngày 16/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ và cán bộ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trả lời từ chối tiếp nhận đơn khiếu nại, lý do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chỉ có chức năng đo đạc còn về việc xin cấp

giấy chứng nhận là thuộc thẩm quyền của UBND huyện C chứ Văn phòng Đăng ký đất đai không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có khiếu nại thì khiếu nại UBND huyện C.

Sau đó ông Tống Văn T làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện C tại bộ phận tiếp công dân của Huyện. Cũng như, trình bày lý do mà UBND xã A và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai không chịu tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Tống Văn T. Sau khi cán bộ của bộ phận tiếp công dân Huyện xem qua nội dung đơn khiếu nại của ông Tống Văn T thì cán bộ tiếp công dân của huyện yêu cầu ông Tống Văn T sửa nội dung đơn khiếu nại thành đơn xem xét thì mới tiếp nhận bên cạnh đó còn hướng dẫn ông Tống Văn T nộp đơn khiếu nại gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai qua đường bưu điện vì đã không nhận đơn khiếu nại trực tiếp. Sau đó ông Tống Văn T sửa đơn khiếu nại thành đơn xem xét và nộp lại cho cán bộ tiếp công dân Huyện, bên cạnh đó ông Tống Văn T làm đơn khiếu nại gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai qua đường bưu điện theo sự hướng dẫn của cán bộ tiếp công dân huyện C.

Nhưng đến thời điểm ông Tống Văn T làm đơn khởi kiện này thì UBND huyện C cũng như Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai vẫn chưa có một thông báo hay văn bản trả lời ông Tống Văn T về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 804, tờ bản đồ số 35 diện tích 105m² nói trên.

Ngày 07/11/2022, UBND huyện C ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND về việc thu hồi phần đất có diện tích 3.660,3m², tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35 để thực hiện dự án tuyến dân cư H.

Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất của UBND huyện C thì ông Tống Văn T đã làm đơn khiếu nại gửi đến bộ phận tiếp công dân của UBND huyện C nhưng bị cán bộ của bộ phận tiếp công dân Huyện từ chối tiếp nhận đơn, lý do ông Tống Văn T chưa có quyết định bồi thường của UBND huyện C.

Ngày 08/12/2022, BQLDA&PTQĐ huyện C trao cho ông Tống Văn T thông báo số 29/TB-BQLDA-PTQĐ về việc chi trả tiền bồi thường, đồng thời mới trao cho ông Tống Văn T Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến dân cư H.

Ngày 10/12/2022, tại buổi chi trả tiền bồi thường thì ông Tống Văn T không thống nhất nhận tiền bồi thường với lý do là những nội dung trong phiếu lấy ý kiến cũng như yêu cầu của ông Tống Văn T khi thực hiện dự án tuyến dân cư Hang Mai thì BQLDA&PTQĐ huyện C chỉ thực hiện bồi thường bổ sung phần

cây trồng còn thiếu cũng như nâng giá đất từ 85.000 đồng/m² lên 153.000 đồng/m². Còn các nội dung yêu cầu khác của ông Tống Văn T thì không được thực hiện.

Sau đó thì ông Tống Văn T được cán bộ của BQLDA&PTQĐ Huyện vận động ông Tống Văn T là nên nhận tiền trước và xem những gì còn thiếu sót hay bồi thường chưa đúng thì làm đơn khiếu nại sẽ giải quyết sau nên ông Tống Văn T mới đồng ý nhận tiền bồi thường.

Ngày 13/12/2022, ông Tống Văn T làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện C để yêu cầu đo đạc lại diện tích đất thu hồi thực tế. Trong đó có phần diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng như yêu cầu bồi thường đất thuộc khu vực 1, vị trí 1, bố trí 03 nền tái định cư và giao 02 nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 10/01/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C mời ông Tống Văn T đến để tiếp xúc cũng như làm rõ nội dung khiếu nại của ông Tống Văn T tại buổi trao đổi tiếp xúc thì ông Tống Văn T có trình bày lý do yêu cầu bồi thường thêm 105m² bây giờ yêu cầu bồi thường là 150m² cho cán bộ xác minh biết cũng như cung cấp chứng cứ có đăng ký phần diện tích đất 105m² nói trên nhưng không được ghi vào trong biên bản. Sau khi đọc lại biên bản thì ông Tống Văn T có hỏi cán bộ ghi biên bản sao không ghi nội dung của ông Tống Văn T vừa trình bày vào trong biên bản thì ông Tống Văn T được cán bộ thanh tra huyện trả lời đây là biên bản tiếp xúc làm rõ nội dung đơn khiếu nại. Còn việc có ghi nội dung ông Tống Văn T trình bày vào trong biên bản hay không điều đó không quan trọng, quan trọng là quyết định cuối cùng của UBND huyện C có đồng ý bồi thường hay không mới quan trọng, nghe cán bộ thanh tra Huyện nói vậy nên ông Tống Văn T mới đồng ý ký tên.

Ngày 27/01/2023, UBND huyện C ra thông báo số 09/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Tống Văn T.

Ngày 25/8/2023, UBND huyện C ra biên bản số 45/BB-UBND về việc đối thoại khiếu nại của ông Tống Văn T.

Ngày 15/9/2023, Chủ tịch UBND huyện C ra Quyết định số 09/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tống Văn T.

Sau khi xem qua Quyết định số 09/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C thì ông Tống Văn T không thống nhất nội dung trả lời trên của UBND huyện C.

Ngày 28/9/2023, ông Tổng Văn T làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ để khiếu nại Quyết định số 09/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C cũng như yêu cầu xem xét giải quyết các khiếu nại trên.

Ngày 30/9/2023, Văn phòng UBND tỉnh Đ ra văn bản số 188/VPUBND-TCD về việc giải quyết khiếu nại của ông Tổng Văn T.

Ngày 24/11/2023, ông Tổng Văn T được Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ mời ông Tổng Văn T đến tại Thanh tra Sở T để làm rõ nội dung đơn khiếu nại.

Ngày 26/01/2024, UBND tỉnh Đ ra biên bản số 26/BB-UBND của UBND tỉnh Đ về việc tiếp xúc để giải quyết đơn khiếu nại của ông Tổng Văn T.

Ngày 24/02/2024, ông Tổng Văn T mới nhận được Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Tổng Văn T (lần 2).

Sau khi xem qua nội dung trả lời Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ của UBND tỉnh Đ thì ông Tổng Văn T không thống nhất với nội dung trả lời trên của UBND tỉnh đồng với lý do như sau:

Thứ nhất: Đối với yêu cầu bồi thường thêm phần diện tích đất 150m² thì ông Tổng Văn T đã trình bày ở trên thì phần đất này đã được chủ cũ là bà Phạm Thị N1 sử dụng và trồng cây từ trước khi chuyển nhượng đất lại cho ông Tổng Văn T vào năm 1992. Cũng như trong quá trình đo đạc lại thửa đất thì cán bộ đo đạc đã đo đạc không chính xác đã dẫn đến sự việc ngày hôm nay.

Cũng như căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013, nội dung cụ thể như sau: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004, mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích đất bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 129 của Luật này”.

Như vậy, phần đất khiếu nại có diện tích 150m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ được bồi thường cây trồng, vật kiến trúc nhưng không bồi thường về đất là chưa đúng với quy định.

Thứ hai: Yêu cầu bồi thường đất theo khu vực 1, vị trí 1: Theo trích lục Bản đồ địa chính ngày 20/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện thì thửa đất số 57, tờ bản đồ số 35 thì thửa đất này của ông Tống Văn T chỉ cách lộ nhựa 10m và lộ nhựa này có mặt đường là 7m, theo Quyết định số 36/QĐ-UBND thì đất của ông Tống Văn T sẽ được bồi thường đất theo khu vực 1, vị trí 1. Còn trong Quyết định số 200/QĐ-UBND của UBND huyện C thì bồi thường đất theo khu vực 1, vị trí 2.

Vì các lý do trên, ông Tống Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết như sau: Hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện C; Hủy bỏ Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tống Thanh H đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày bổ sung yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 18 và Quyết định số 200 do việc bồi thường không đúng quy định pháp luật, không xem xét bồi thường đối với diện tích đất 150m² và không bồi thường đất đúng theo vị trí 1, khu vực 1.

- Theo văn bản ý kiến số 1366/UBND-NC ngày 02/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ngày 15/02/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND-NĐ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện C.

Ngày 25/02/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, bồi thường để thực hiện dự án Tuyến dân cư H (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D), xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30/3/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 262/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ trạm biến áp 110kV đến Cụm D), xã A, huyện C.

Ngày 30/5/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Thông báo số 122/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 07/6/2022, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất Huyện phối hợp UBND xã A đã tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để bồi thường đối với hộ ông Tống Văn T.

Ngày 23/9/2022, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 239/QĐ-UBND-ND phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D), xã A, huyện C.

Ngày 07/11/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 3.660,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 57, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc xã A của hộ ông Tống Văn T.

Ngày 07/11/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 1017/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D) xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11/11/2022, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bằng tiền cho hộ ông Tống Văn T với tổng số tiền (làm tròn) là 1.652.119.000 đồng.

Hộ ông Tống Văn T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.652.119.000 đồng (kèm phiếu chi số PC 01/12-NN ngày 10/12/2022).

* Khiếu nại liên quan lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 13/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện C có tiếp nhận đơn khiếu nại của ông Tống Văn T.

Ngày 27/01/2023, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 09/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Tống Văn T.

Ngày 25/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức đối thoại với ông Tống Văn T. Từ kết quả kiểm tra, rà soát của các ngành chức năng và buổi đối thoại đã có cơ sở kết luận các nội dung khiếu nại của ông Tống Văn T là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Ngày 15/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C. Không chấp nhận khiếu nại các yêu cầu: Bồi thường thêm diện tích 150m²; bồi thường đất theo giá đất thuộc khu vực 1, vị trí 1; bố trí

03 nền tái định cư và giao đất ở (02 nền tái định cư) có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá của hộ ông Tổng Văn T.

Ông Tổng Văn T không thống nhất quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Ngày 07/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Tổng Văn T. Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

* Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai:

Ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Thông báo số 10/2024/TLST-HC Thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung người khởi kiện (ông Tổng Văn T) yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

*Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C:

Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện C giữ nguyên nội dung Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Theo văn bản ý kiến số 312/UBND-NCPC ngày 04/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ngày 07/11/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND thu hồi 3.660,3m² đất trồng cây lâu năm của hộ ông Tổng Văn T để thực hiện dự án Tuyến dân cư H (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D), xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, xác lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho ông Tổng Văn T với tổng số tiền là 1.652.119.000 đồng (trong đó: Bồi thường, hỗ trợ

về đất: 1.493.402.400 đồng; bồi thường công trình, vật kiến trúc: 9.560.192 đồng; bồi thường cây trồng: 129.114.000 đồng; chính sách hỗ trợ: 20.042.640 đồng), theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C.

Ông Tống Văn T chưa thống nhất với phương án bồi thường và có khiếu nại yêu cầu: Bồi thường thêm diện tích 150m²; bồi thường đất theo giá đất thuộc khu vực 1, vị trí 1; bố trí 03 nền tái định cư và giao đất ở (02 nền) có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Ngày 15/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND, giải quyết: Bác các nội dung khiếu nại yêu cầu của Tống Văn T.

Ông Tống Văn T không thống nhất với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và tiếp tục khiếu nại theo các nội dung trên.

Ngày 07/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ, giải quyết: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T.

Hiện nay, ông Tống Văn T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Tỉnh yêu cầu hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T là không có cơ sở, do việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đúng theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Riêng đối với yêu cầu bố trí 03 nền tái định cư và giao 02 nền có thu tiền sử dụng đất của ông T là không phù hợp theo quy định của pháp luật, do đất của ông T thu hồi là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất ở.

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 05 năm (2020 - 2024) và Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Bảng giá đất Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 05 năm (2020 - 2024).

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D), xã A, huyện C.

Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T (lần đầu); Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T (lần hai), Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tống Văn T, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Tống Văn T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.-Ngày 09/9/2024, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án hành chính sơ thẩm và hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tống Văn T trình bày nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, lý do:

+ Nguồn gốc đất 150m² do bà Phạm Thị N1 sử dụng trước khi chuyển nhượng cho ông T từ năm 1992. Gia đình ông T tiếp tục sử dụng trồng cây từ năm 1992 đến nay. Cụ thể có giấy viết tay sang nhượng đất ruộng của bà Phạm Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ cho ông T. Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013 thì ông T sẽ được bồi thường đối với diện tích thực tế đang sử dụng, trong khi cơ quan có thẩm quyền chỉ bồi thường phần đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất này không bồi thường.

+Việc UBND Huyện C thu hồi đất tại dự án tuyến dân cư Hang Mai vượt ra ngoài kế hoạch chưa được UBND Tỉnh Đ chấp thuận, phê duyệt làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

+ Việc hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với đất trồng cây lâu năm khu vực 1, vị trí 2 là chưa đúng.

+ Giá đất trong bảng giá đất (Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 23/7/2021) và hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 là 1.2 và tại thời điểm ban hành quyết định

thu hồi đất của ông T thù hệ số đã lên đến 1.8 nhưng không được nhân hệ số điều chỉnh.

+Dự án Hang Mai là dự án kinh doanh thương mại nhưng không được thực hiện đối thoại để chuyển nhượng lại đất của ông T cũng như bồi thường thiệt hại mà thực hiện theo giá Nhà nước quy định.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm, vì dự án thu hồi đất được ban hành đúng quy định của pháp luật; việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đúng theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Riêng đối với yêu cầu bố trí 03 nền tái định cư và giao 02 nền có thu tiền sử dụng đất của ông T là không phù hợp theo quy định của pháp luật, do đất của ông T thu hồi là đất trồng cây lâu năm, không phải là đất ở.

Tại phần tranh luận,

- Ông H đại diện theo ủy quyền của ông T vẫn giữ nguyên các ý kiến, quan điểm như đã trình bày nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Phần diện tích đất 150m² là đất thủy lợi, thuộc quyền quản lý của Nhà nước nên việc ông T yêu cầu bồi thường phần đất này là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch UBND huyện C – tỉnh Đồng Tháp vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thụ lý đúng thẩm quyền và xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo đúng quy định tại các Điều 3, 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Đối với Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông Tống Văn T; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Tống Văn T: Hai quyết định này ông T không khởi kiện nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông H đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 18 và Quyết định số 200 và hủy hai Quyết định này nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định này là đúng quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

[3.1] Về thẩm quyền: Quyết định số 09 do Chủ tịch UBND huyện C ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011. Quyết định số 16 do Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về trình tự thủ tục: Quyết định số 09 và Quyết định số 16 của Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, 29, 30, 31 32, 36, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại năm 2011; Các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21, 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND tỉnh Đ thực hiện việc giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định. Tuy nhiên, khi giải quyết khiếu nại trễ quá thời

hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28, Điều 37 Luật khiếu nại năm 2011 nhưng nội dung giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung ban hành đối với Quyết định số 18 ngày 07/11/2022, Quyết định số 200 ngày 11/11/2022 của UBND huyện C(gọi tắt là Quyết định số 18, 200):

[4.1] Đối với việc thu hồi đất của hộ ông T theo Quyết định số 18:

Về trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung đối với việc thu hồi đất: UBND huyện C đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 62, 66, 67, 68, 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T3 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất.

[4.2] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T theo Quyết định số 200:

Về trình tự thủ tục đối với việc bồi thường, hỗ trợ: UBND huyện C đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 74, 75, 83, 84 Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

[5] Xét tính hợp pháp về nội dung các Quyết định 09, 16, 18, 200:

[5.1] Việc yêu cầu bồi thường thêm diện tích 150m²: Theo hồ sơ thể hiện phần đất ông T yêu cầu bồi thường thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 35 là đất Thủy lợi do Nhà nước quản lý (theo hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C xác lập để kê khai đăng ký là thửa 804, tờ bản đồ số 35), theo trích lục bản đồ địa chính, thuộc phạm vi quy hoạch và đã được Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D) xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 07/11/2022, diện tích là 1601,2m².

Khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1995 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 theo Bản đồ lưới tọa độ không có phần đất này. Ông T cũng chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất phần đất này. Theo trích lục bản đồ địa chính đất này là đất Thủy Lợi do Nhà nước quản lý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai 2013, quy định điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế vì lợi ích quốc gia công cộng. Phần đất của ông T chưa được cấp quyền sử dụng đất nên không có đủ cơ sở để xem xét bồi thường.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại Tòa án các cấp, ông H đại diện ông T xác định phần đất ông T yêu cầu bồi thường 150m² là đất do bà Phạm Thị N1 san lấp sử dụng và trồng cây trước khi chuyển nhượng lại cho ông T năm 1992. Đồng thời có xuất trình giấy tay có nội dung bà Phạm Thị N1 sang nhượng phần đất ruộng 200m² cho ông T. Tuy nhiên, khi được hỏi thì ông H cũng xác định phần đất 150m² này nằm ngoài diện tích đất 200m² ông T nhận chuyển nhượng từ bà năm. Do đó, việc UBND huyện C không bồi thường diện tích đất 150m² theo yêu cầu của ông T là có cơ sở.

[5.2] Về bồi thường, hỗ trợ: Phần đất của ông T tranh chấp là đất trồng cây lâu năm thuộc (Khu vực 1, Vị trí 2), theo Quyết định số 239/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Đ về phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Tuyến dân cư Hang Mai (đoạn từ Trạm biến áp 110kV đến Cụm D) xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) giá bồi thường đất là 153.000 đồng/1m²; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm (tại Khu vực 1, Vị trí 2) là 85.000 đồng/1m² (85.000 đồng/1m² x 3 = 255.000 đồng/1m² (theo quy định tại Điều 17 của Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND Tỉnh về Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm) là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

Ông H xác định đất ông T không tiếp giáp đường. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 36 ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ thì đất của ông T không tiếp giáp đường giao thông, là đất trồng cây lâu năm giáp kênh thủy lợi nên việc UBND huyện C bồi thường, hỗ trợ theo Khu vực 1, Vị trí 2 là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy về giá đất, vật kiến trúc, cây trồng và tiền hỗ trợ mà UBND huyện C đã bồi thường, hỗ trợ cho hộ của ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về giải quyết khiếu nại:

[6.1] Xét việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 09 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp và việc giải quyết khiếu nại (lần 2) số 16 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục.

[6.2] Về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại : Như đã phân tích ở trên, các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T là đúng pháp luật. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Đồng Tháp và quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ bác yêu cầu khiếu nại của ông T là đúng pháp luật.

[7] Từ những cơ sở phân tích từ mục [3] đến mục [7], bản án sơ thẩm đã xác định Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện C, Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C là hợp pháp và bác yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Tại cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm theo như ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[9] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông T thuộc trường hợp người cao tuổi theo Luật người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét miễn án phí HCPT cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện – ông Tống Văn T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tống Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T (lần đầu); Quyết định số 16/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Tống Văn T (lần hai); Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND huyện C về việc thu hồi đất đối với hộ ông Tống Văn T; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Tống Văn T.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Tống Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do thuộc trường hợp người cao tuổi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tống Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa